TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2019

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Minh Suốt;

2. Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà*: Ông Đoàn Văn Khải* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1991(Có mặt).

Địa chỉ: SốA ấp B, xã T, huyện K, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Tuyết N, sinh năm 1987(Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1 Tỉnh Lộ A, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Lê Thanh Đ trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Tuyết N sống chung cùng nhau năm 2013 đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh S. Sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng như về tiền bạc của vợ chồng và chuyện tình cảm vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tháng 5/2018 thì bàN bỏ nhà đi về nhà cha mẹ bà sống không về chung sống cùng ông Đnữa, mặc dù ông có kêu bà N về nhưng bà không về từ đó mất dần tình cảm vợ chồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông với bà N đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết N.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết N: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà Đỗ Thị Tuyết N vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; phía bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; bà Đỗ Thị Tuyết N đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bà đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Tuyết N.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lê Thành Đđược ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết N. Về con chung: không có; Về tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Tuyết N đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bà N đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng bà vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Tuyết N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành Đ và bà Đỗ Thị Tuyết N sống chung cùng nhau năm 2012, ông Đ, bà N tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44/2018 ngày 08/5/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thành Đvà bà Đỗ Thị Tuyết N là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Lê Thành Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì ông Đ, bà N sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung về mặt kinh tế, cũng như chuyện tình cảm của vợ chồng từ đó vợ chồng thường hay cự cãi cùng nhau, mất dần tình cảm vợ chồng dẫn đến ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông Đvà bà N đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay cũng đã lâu nhưng ông bà không hàn gắn được, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông Đvà bà N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thành Đ.

[4] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Lê Thành Đphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Tuyết N .

2. Về con chung: Không có.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thành Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009120 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, ông Đđã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Nhiện